

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 24: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

- 1.Kiến thức: HS được củng cố định nghĩa số nguyên tố, hợp số.
- 2.Kỹ năng: HS biết nhận ra một số là số nguyên tố hay hợp số trong các trường hợp đơn giản, thuộc 10 số nguyên tố đầu tiên, hiểu cách lập bảng số nguyên tố.
- 3.Thái độ: HS biết vận dụng hợp lí các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết một hợp số.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SGV, tài liệu tham khảo.
2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1.Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS1: Số nguyên tố là gì? Hợp số là gì? Làm bài tập 116:

$$83 \in P; 91 \notin P; 15 \in N; P \subset N$$

HS 2: Làm bài tập 118

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Xác định số nguyên tố GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán. GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Thế nào là số nguyên tố? Hãy xác định giá trị của $*$ để các số trên là số nguyên tố? GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện. GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm. GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.	Dạng 1: Xác định điều kiện để một số là số nguyên tố <u>Bài tập 120 :</u> $\overline{5*}$ khi $* = 3$ số đó là 53 Khi $* = 9$ số đó là 59 $\overline{9*}$ Khi $* = 7$ số đó là 97
<u>Hoạt động 2:</u> Xác định một thừa số. GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán. GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Số nguyên tố có mấy ước số? Đó là những ước nào? Vậy để 3.k là số nguyên tố thì k bằng bao nhiêu? GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.	Dạng 2: Tìm một thừa số để tích là số nguyên tố. <u>Bài tập 121:</u> a) 3.k chỉ có hai ước số vậy $k = 1$ b) 7.k chỉ có hai ước số vậy $k = 1$

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.
GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

Hoạt động 3: Lựa chọn đáp án đúng

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

GV: Chú ý HS những kết luận và xét các trường hợp của kết luận.

Hoạt động 4: Tìm các số nguyên tố thỏa mãn điều kiện

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

GV: Bài toán yêu cầu gì?

GV: Số nguyên tố p tmđk gì?

GV: Em hãy xác định số nguyên tố p trong mỗi trường hợp trên

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

Hoạt động 5: Suy luận

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

GV: Hướng dẫn HS cách trình bày.

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

Dạng 3: Lựa chọn

Bài tập 122:

Câu	Đúng	Sai
a)	X	
b)	X	
c)		X
d)		X

Dạng 4: Tìm số nguyên tố

Bài tập 123:

$$a = 67$$

$$p = \{2;3;5;7\}$$

$$a = 49 ; \quad p = \{2;3;5;7\}$$

$$a = 127$$

$$p = \{2;3;5;7;11\}$$

$$a = 173$$

$$p = \{2;3;5;7;11;13\}$$

$$a = 253$$

$$p = \{2;3;5;7;11;13\}$$

Dạng 5: Tập suy luận

Bài tập 124 :

$$a \text{ là số có đúng 1 ước} \Rightarrow a = 1$$

$$b \text{ là hợp số lẻ nhỏ nhất} \Rightarrow b = 9$$

$$c \text{ không là số nguyên tố không là hợp số } c \neq 1$$

$$\Rightarrow c = 0$$

$$d \text{ là số nguyên tố lẻ nhỏ nhất} \Rightarrow c = 3$$

$$\text{vậy } abcd = 1903$$

4. Củng cố-Luyện tập:

– GV nhấn mạnh lại số nguyên tố – hợp số.

– Hướng dẫn HS làm các dạng toán cơ bản thường gặp

5.Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học sinh về nhà học bài và làm bài tập còn lại.
- Chuẩn bị bài mới.